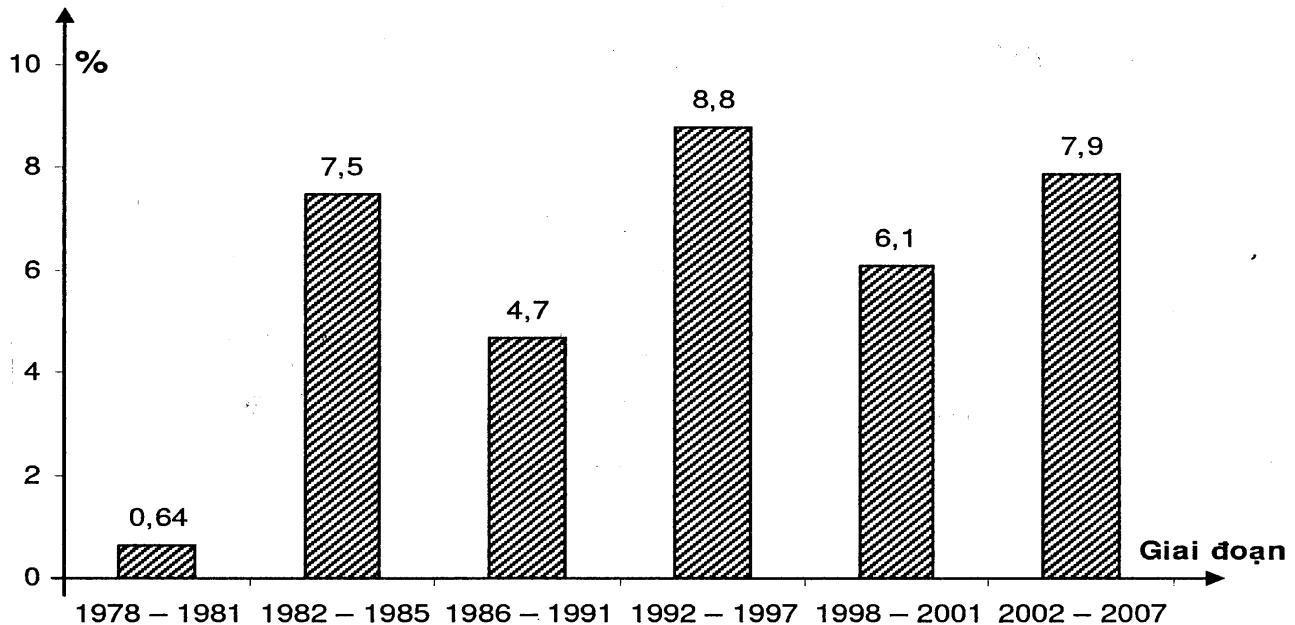


**Mã đề: 121/XH**

**Câu 1.** Căn cứ vào biểu đồ:



**Biểu đồ tốc độ tăng trưởng GDP trung bình nước ta qua các giai đoạn**

Nhận xét nào sau đây **không đúng** về tốc độ tăng trưởng GDP trung bình nước ta qua các giai đoạn:

- A. Tốc độ tăng GDP giai đoạn 2002-2007 tăng so với 1978-1981 là 7,26%
- B. Tốc độ tăng GDP giai đoạn 2002-2007 khá cao còn giai đoạn 1978-1981 tăng chậm.
- C. Tốc độ tăng GDP giai đoạn 2002-2007 tăng so với 1998-2001.
- D. Tốc độ tăng trưởng nước ta tăng đều qua các giai đoạn.

**Câu 2.** Căn cứ trang 28 Atlat, cây thuốc lá được trồng nhiều ở tỉnh nào thuộc Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Bình Thuận.
- B. Ninh Thuận.
- C. Khánh Hòa.
- D. Phú Yên.

**Câu 3.** Ngành đường ống phát triển gắn với sản xuất

- A. than.
- B. điện.
- C. dầu khí.
- D. nước.

**Câu 4.** Đường dây tải điện 500kV dài nhất nước ta là

- A. Vinh - Quy Nhơn.
- B. Hoà Bình - Hà Nội.
- C. TP. Hồ Chí Minh - Hà Nội.
- D. Hoà Bình - TP. Hồ Chí Minh.

**Câu 5.** Căn cứ trang 16 Atlat, cho biết vào năm 2009 dân tộc ít người nào có số dân lớn nhất?

- A. Mường.
- B. Tày.
- C. Thái.
- D. Khơ-me.

**Câu 6.** Căn cứ trang 17 Atlat, năm 2007 trung tâm kinh tế nào có tỉ trọng đóng góp của khu vực công nghiệp –xây dựng và dịch vụ cao nhất?

- A. Cần Thơ.
- B. Tp Hồ Chí Minh.
- C. Đà Nẵng.
- D. Hà Nội.

**Câu 7.** Nơi thuận lợi cho nuôi trồng thủy sản nước lợ ở miền Trung là

- A. ao hồ.
- B. đầm phá.
- C. sông suối.
- D. kênh rạch.

**Câu 8.** Đồng bằng sông Hồng có bình quân lương thực theo đầu người thấp là do

- A. năng suất lúa thấp.
- B. cây lương thực ít được đầu tư.
- C. diện tích đồng bằng nhỏ.
- D. số dân rất đông.

**Câu 9.** Căn cứ trang 26 Atlat, năm 2007 Trung du và miền núi Bắc Bộ có mấy trung tâm công nghiệp?

- A. 4.
- B. 5.
- C. 2.
- D. 3.

**Câu 10.** Căn cứ Atlat trang 24, thành phần kinh tế nào trong cơ cấu tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh

thu dịch vụ tiêu dùng của cả nước có tỉ trọng giảm trong giai đoạn 1995-2007?.

- A. Khu vực Nhà nước.
- B. Không có thành phần nào giảm tỉ trọng.
- C. Khu vực ngoài Nhà nước.
- D. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.

**Câu 11.** Trong giai đoạn 2000-2007 công nghiệp tăng tỉ trọng trong cơ cấu GDP là phù hợp với chính sách

- A. đầu tư và phát triển du lịch.
- B. khai thác cảnh đẹp thu hút du khách.
- C. nông nghiệp là mặt trận hàng đầu.
- D. công nghiệp hoá hiện đại hoá.

**Câu 12.** Phát biểu không đúng về chuyển dịch cơ cấu lao động đang làm việc nước ta giai đoạn 2000-2007 là

- A. Dịch vụ tăng tỉ trọng.
- B. Nông-lâm-thủy sản tăng tỉ trọng.
- C. Cả ba khu vực đều thay đổi tỉ trọng.
- D. Công nghiệp-xây dựng tăng tỉ trọng.

**Câu 13.** Biết tổng diện tích Đồng bằng sông Hồng là 15 000km<sup>2</sup>, trong đó diện tích đất nông nghiệp chiếm tỉ lệ 51,2%. Vậy diện tích đất nông nghiệp của vùng là bao nhiêu hecta?

- A. 7680.
- B. 76800.
- C. 768000.
- D. 51200.

**Câu 14.** Sản lượng lúa nước ta tăng trong giai đoạn 2000-2007 chủ yếu do

- A. Khai hoang.
- B. Tăng năng suất.
- C. Tăng diện tích.
- D. Quảng canh.

**Câu 15.** Căn cứ trang 21 Atlas, trung tâm công nghiệp nào sau đây có ngành khai thác than đá?

- A. Cẩm Phả.
- B. Vinh.
- C. Thanh Hóa.
- D. Hưng Yên.

**Câu 16.** Đồng bằng sông Hồng có bao nhiêu thành phố tương đương cấp tỉnh?

- A. 4.
- B. 2.
- C. 8.
- D. 10.

**Câu 17.** Căn cứ trang 19 Atlas,, cho biết trong các tỉnh sau đây tỉnh nào có số lượng trâu lớn nhất?

- A. Vĩnh Phúc.
- B. Bắc Kạn.
- C. Lạng Sơn.
- D. Thái Nguyên.

**Câu 18.** Quốc lộ 1 không chạy qua vùng kinh tế nào sau đây?

- A. Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- B. Đồng bằng sông Hồng.
- C. Tây Nguyên.
- D. Đông Nam Bộ.

**Câu 19.** Căn cứ trang 27 Atlas, cho biết khu kinh tế ven biển Nghi Sơn thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Thanh Hóa.
- B. Hà Tĩnh.
- C. Quảng Bình.
- D. Nghệ An.

**Câu 20.** Về ý nghĩa an ninh quốc phòng, các đảo và quần đảo nước ta là

- A. nơi có nhiều thuận lợi phát triển du lịch.
- B. nơi có nhiều tài nguyên hải sản.
- C. thuận lợi cho phát triển giao thông biển.
- D. hệ thống tiền tiêu bảo vệ đất liền.

**Câu 21.** Căn cứ trang 22 Atlas, cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm nào sau đây có quy mô lớn nhất vùng Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Quảng Ngãi.
- B. Phan Thiết.
- C. Quy Nhơn.
- D. Nha Trang.

**Câu 22.** Tỉnh/thành phố phát triển mạnh loại hình du lịch biển - đảo trong vùng Đồng bằng sông Hồng là

- A. Hải Phòng.
- B. Ninh Bình.
- C. Vĩnh Phúc.
- D. Bắc Ninh .

**Câu 23.** Căn cứ trang 23 Atlas, đường số 2 nối Hà Nội với địa điểm nào sau đây?

- A. Hạ Long.
- B. Hà Giang.
- C. Cao Bằng.
- D. Lạng Sơn.

**Câu 24.** Các sản phẩm nào sau đây thuộc công nghiệp chế biến sản phẩm của ngành trồng trọt?

- A. Nước mắm.
- B. Gạo, ngô.
- C. Sữa, bơ.
- D. Thịt hộp.

**Câu 25.** Căn cứ trang 20 Atlas, tỉnh nào sau đây có tỉ lệ diện tích rừng so với diện tích toàn tỉnh lớn nhất?

- A. Lai Châu.
- B. Thái Nguyên.
- C. Tuyên Quang.
- D. Cao Bằng.

**Câu 26.** Cơ sở tự nhiên chủ yếu để Trung du và miền núi Bắc Bộ phát triển nhiều ngành là

- A. lao động có nhiều kinh nghiệm truyền thống.
- B. chính sách phát triển miền núi của Nhà nước.
- C. tài nguyên thiên nhiên phong phú đa dạng.
- D. giáp Trung Quốc thuận lợi trao đổi hàng hoá.

**Câu 27.** Khu kinh tế cửa khẩu nào sau đây thuộc vùng Đông Nam Bộ?

A. Đồng Tháp.

B. An Giang.

C. Xa Mát.

D. Hà Tiên.

**Câu 28.** Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ không có thể mạnh

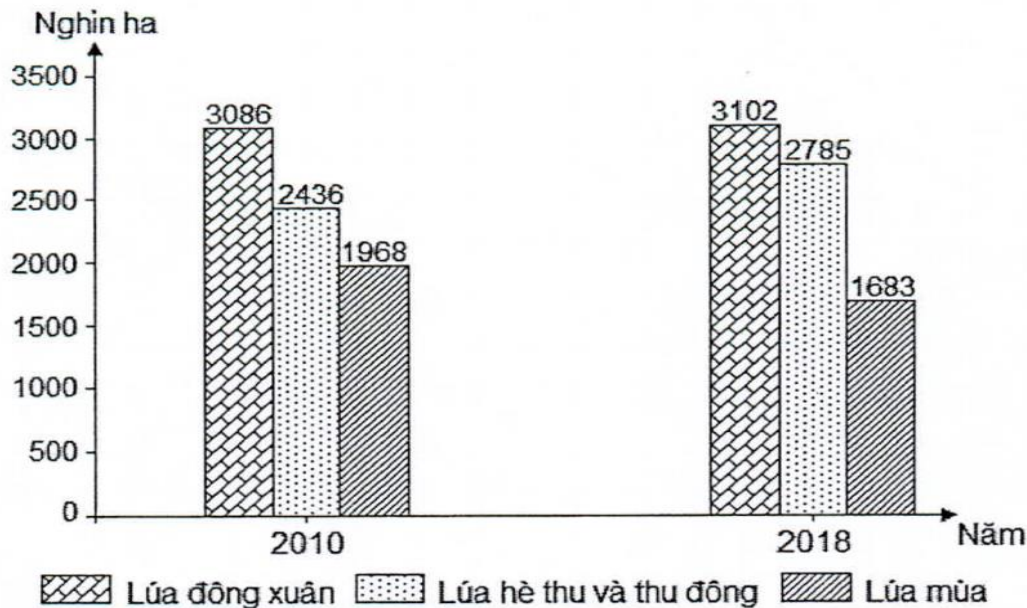
A. trồng cao su.

B. khai thác thủy điện.

C. kinh tế biển-đảo.

D. nuôi trâu, bò, ngựa, lợn.

**Câu 29.** Cho biểu đồ:



DIỆN TÍCH LÚA CÁC MÙA VỤ CỦA NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ 2018

Nhận xét nào sau đây đúng về diện tích lúa các mùa vụ của nước ta 2018 so 2010?

A. Lúa đông xuân giảm, lúa mùa tăng.

B. Lúa mùa tăng, lúa đông xuân tăng.

C. Lúa hè thu và thu đông tăng, lúa đông xuân tăng.

D. Lúa hè thu và thu đông giảm, lúa mùa tăng.

**Câu 30.** Nơi nào sau đây không thuộc dải công nghiệp tập trung ở Đông nam Bộ?

A. Long An.

B. Thủ Dầu Một.

C. Biên Hoà.

D. Vũng Tàu.

**Câu 31.** Căn cứ Atlas trang 24, hãy cho biết năm 2007, Việt Nam xuất khẩu hàng hóa sang nước nào đạt giá trị trên 6 tỉ USD và có cán cân thương mại dương?

A. Nhật Bản.

B. Xin-ga-po.

C. Trung Quốc.

D. Hoa Kỳ.

**Câu 32.** Căn cứ trang 16 Atlas, các dân tộc Gia-rai, Ê-đê phân bố chủ yếu ở khu vực nào sau đây?

A. Bắc Trung Bộ

B. Miền núi phía Bắc.

C. Đông Nam Bộ.

D. Tây Nguyên.

**Câu 33.** Phần lớn hàng nhập khẩu của nước ta không phải là

A. tư liệu sản xuất.

B. nguyên, nhiên, vật liệu.

C. nguyên liệu, nhiên liệu.

D. hàng tiêu dùng.

**Câu 34.** Vựa lúa lớn thứ hai của cả nước là

A. Bắc Trung Bộ.

B. Đồng bằng sông Cửu Long.

C. Đồng bằng sông Hồng.

D. Đông Nam Bộ.

**Câu 35.** Căn cứ trang 15 Atlas, hãy cho biết phát biểu nào sau đây không đúng với dân số Việt Nam qua các năm từ năm 1960 đến năm 2007?

A. Dân nông thôn tăng nhanh hơn dân thành thị.

B. Dân số cả nước tăng từ năm 1960 đến 2007.

C. Dân số nông thôn luôn lớn hơn dân số thành thị.

D. Dân số thành thị tăng nhanh hơn dân số nông thôn.

**Dựa vào bảng thông tin sau làm bài từ câu 36 đến câu 39:**

Theo Cục Trồng trọt, năm 2018, diện tích cà phê của cả nước rất lớn khoảng 720 nghìn ha: trong đó, cà phê Robusta (cà phê vối) khoảng 670 nghìn ha, còn cà phê Arabica (cà phê chè) khoảng 50 nghìn ha.

Cà phê Việt Nam được xuất khẩu sang trên 80 quốc gia và vùng lãnh thổ. Năm 2018, Việt Nam xuất khẩu 1,9 triệu tấn với kim ngạch xuất khẩu đạt 3,5 tỷ USD, chiếm 14% thị phần và hơn 10% giá trị cà phê nhân xuất khẩu toàn cầu, đứng thứ 2 sau Brazil.

Các tỉnh trồng cà phê Robusta là Lâm Đồng (164 nghìn ha), Đắk Nông (158 nghìn ha), Gia Lai (91 nghìn ha), Kon Tum (17 nghìn ha), Đắk Lắk (204 nghìn ha), Bình Phước (15 nghìn ha), Đồng Nai (11 nghìn ha), Bình Thuận (3 nghìn ha), các tỉnh khác (5 nghìn ha).

Các tỉnh trồng cà phê Arabica là Lâm Đồng (19 nghìn ha), Điện Biên (5 nghìn ha), Đắk Lắk (4 nghìn ha), Sơn La (14 nghìn ha), Quảng Trị (5 nghìn ha), các tỉnh khác (4 nghìn ha).

Các tỉnh có sản lượng cà phê Robusta lớn là Đắk Lắk (490 nghìn tấn) Lâm Đồng (443 nghìn tấn), Đắk Nông (417 nghìn tấn), Gia Lai (253 nghìn tấn), Kon Tum (51 nghìn tấn), Bình Phước (23 nghìn tấn), Đồng Nai (21 nghìn tấn), Bình Thuận (7 nghìn tấn) ...

**Câu 36.** Căn cứ bảng thông tin trên, cho biết: năm 2018 vùng có diện tích trồng cà phê lớn nhất là

A. Tây Nguyên.      B. Đông Nam Bộ.      C. Trung du và miền núi Bắc Bộ.      D. Bắc Trung Bộ

**Câu 37.** Căn cứ bảng thông tin trên, cho biết: diện tích trồng cà phê Robusta chiếm khoảng trên .....% tổng diện tích cà phê cả nước.

A. 80.      B. 90.      C. 70.      D. 50.

**Câu 38.** Căn cứ bảng thông tin trên, cho biết: năm 2018 cà phê Arabica được trồng chủ yếu ở

A. Đắk Lắk và Lâm Đồng.      B. Đắk Lắk và Sơn La.  
C. Lâm Đồng và Sơn La.      D. Lâm Đồng và Quảng Trị.

**Câu 39.** Căn cứ bảng thông tin trên, cho biết: năng suất cà phê Robusta cao nhất 2018 là tỉnh

A. Đắk Lắk.      B. Đắk Nông.      C. Lâm Đồng.      D. Kon Tum

**Câu 40.** Bảng SẢN LƯỢNG THỦY SẢN NUÔI TRỒNG CỦA NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ 2018

(Đơn vị: Nghìn tấn)

| Năm  | Cá nuôi | Tôm nuôi | Thủy sản khác |
|------|---------|----------|---------------|
| 2010 | 2101,6  | 449,7    | 177,0         |
| 2018 | 2918,7  | 809,7    | 433,4         |

Để thể hiện cơ cấu sản lượng thủy sản nuôi trồng nước ta 2010 và 2018, dạng biểu đồ nào thích hợp nhất?

A. Tròn.      B. Đường.      C. Miền.      D. Kết hợp.

**Lưu ý:** Học sinh được quyền sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.

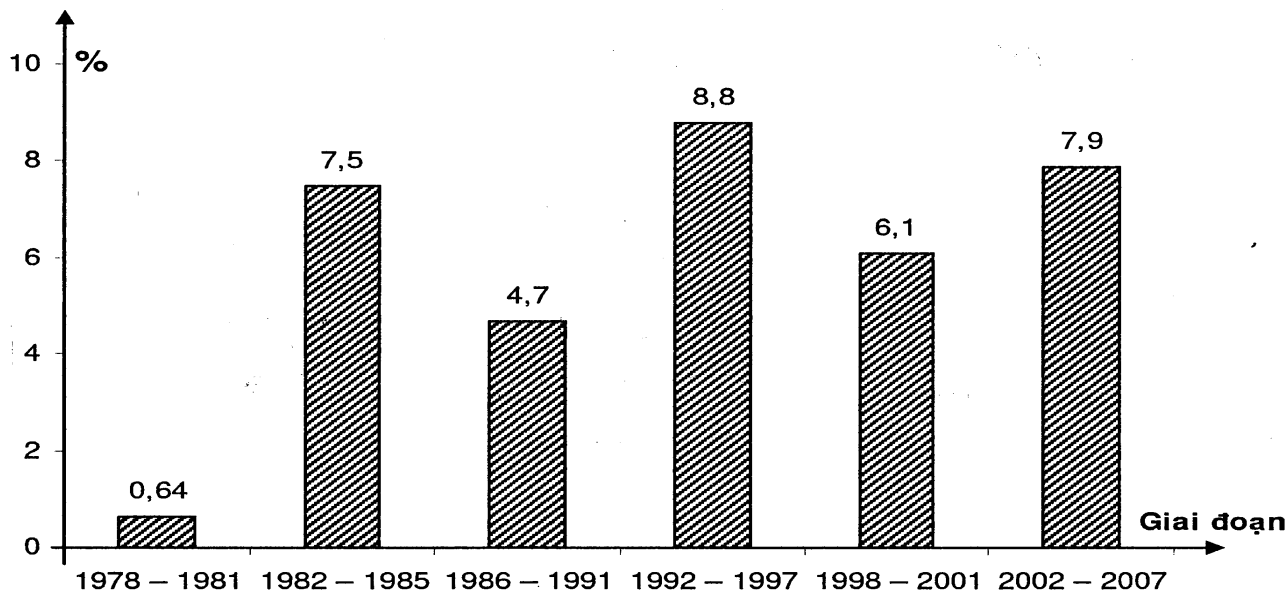
**Câu 1.** Nơi thuận lợi cho nuôi trồng thủy sản nước lợ ở miền Trung là

- A. sông suối. B. ao hồ. C. kênh rạch. D. đầm phá.

**Câu 2.** Biết tổng diện tích Đồng bằng sông Hồng là 15 000km<sup>2</sup>, trong đó diện tích đất nông nghiệp chiếm tỉ lệ 51,2%. Vậy diện tích đất nông nghiệp của vùng là bao nhiêu hecta?

- A. 7680. B. 768000. C. 76800. D. 51200.

**Câu 3.** Căn cứ vào biểu đồ:



**Biểu đồ tốc độ tăng trưởng GDP trung bình nước ta qua các giai đoạn**

Hãy cho biết nhận xét nào sau đây **không đúng** về tốc độ tăng trưởng GDP trung bình nước ta qua các giai đoạn:

- A. Tốc độ tăng trưởng nước ta tăng đều qua các giai đoạn.  
B. Tốc độ tăng GDP giai đoạn 2002-2007 tăng so với 1978-1981 là 7,26%  
C. Tốc độ tăng GDP giai đoạn 2002-2007 khá cao còn giai đoạn 1978-1981 tăng chậm.  
D. Tốc độ tăng GDP giai đoạn 2002-2007 tăng so với 1998-2001.

**Câu 4.** Sản lượng lúa nước ta tăng trong giai đoạn 2000-2007 chủ yếu do

- A. Khai hoang. B. Tăng năng suất. C. Tăng diện tích. D. Quảng canh.

**Câu 5.** Phát biểu không đúng về chuyển dịch cơ cấu lao động đang làm việc nước ta giai đoạn 2000-2007 là

- A. Công nghiệp-xây dựng tăng tỉ trọng. B. Cả ba khu vực đều thay đổi tỉ trọng.  
C. Nông-lâm-thủy sản tăng tỉ trọng. D. Dịch vụ tăng tỉ trọng.

**Câu 6.** Căn cứ trang 16 Atlat, cho biết vào năm 2009 dân tộc ít người nào có số dân lớn nhất?

- A. Thái. B. Tày. C. Mường. D. Khơ-me.

**Câu 7.** Đồng bằng sông Hồng có bình quân lương thực theo đầu người thấp là do

- A. số dân rất đông. B. diện tích đồng bằng nhỏ.  
C. cây lương thực ít được đầu tư. D. năng suất lúa thấp.

**Câu 8.** Căn cứ trang 22 Atlat, cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm nào sau đây có quy mô lớn nhất vùng Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Nha Trang. B. Phan Thiết. C. Quảng Ngãi. D. Quy Nhơn.

**Câu 9.** Bảng SẢN LƯỢNG THỦY SẢN NUÔI TRỒNG CỦA NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ 2018

(Đơn vị: Nghìn tấn)

| Năm  | Cá nuôi | Tôm nuôi | Thủy sản khác |
|------|---------|----------|---------------|
| 2010 | 2101,6  | 449,7    | 177,0         |
| 2018 | 2918,7  | 809,7    | 433,4         |

Để thể hiện cơ cấu sản lượng thủy sản nuôi trồng nước ta 2010 và 2018, dạng biểu đồ nào thích hợp nhất?

- A. Miền. B. Đường. C. Kết hợp. D. Tròn.

**Câu 10.** Căn cứ trang 28 Atlas, cây thuốc lá được trồng nhiều ở tỉnh nào thuộc Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Bình Thuận. B. Khánh Hòa. C. Ninh Thuận. D. Phú Yên.

**Câu 11.** Ngành đường ống phát triển gắn với sản xuất

- A. than. B. điện. C. dầu khí. D. nước.

**Câu 12.** Căn cứ trang 23 Atlas, đường số 2 nối Hà Nội với địa điểm nào sau đây?

- A. Cao Bằng. B. Lạng Sơn. C. Hà Giang. D. Hạ Long.

**Câu 13.** Căn cứ trang 17 Atlas, năm 2007 trung tâm kinh tế nào có tỉ trọng đóng góp của khu vực công nghiệp – xây dựng và dịch vụ cao nhất?

- A. Hà Nội. B. Cần Thơ. C. Tp Hồ Chí Minh. D. Đà Nẵng.

**Câu 14.** Căn cứ Atlas trang 24, thành phần kinh tế nào trong cơ cấu tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng của cả nước có tỉ trọng giảm trong giai đoạn 1995-2007?

- A. Không có thành phần nào giảm tỉ trọng. B. Khu vực Nhà nước.  
C. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài. D. Khu vực ngoài Nhà nước.

**Câu 15.** Phần lớn hàng nhập khẩu của nước ta không phải là

- A. nguyên liệu, nhiên liệu. B. nguyên, nhiên, vật liệu.  
C. hàng tiêu dùng. D. tư liệu sản xuất.

**Câu 16.** Trong giai đoạn 2000-2007 công nghiệp tăng tỉ trọng trong cơ cấu GDP là phù hợp với chính sách

- A. nông nghiệp là mặt trận hàng đầu. B. khai thác cảnh đẹp thu hút du khách.  
C. công nghiệp hoá hiện đại hoá. D. đầu tư và phát triển du lịch.

**Câu 17.** Đồng bằng sông Hồng có bao nhiêu thành phố tương đương cấp tỉnh?

- A. 8. B. 10. C. 2. D. 4.

**Câu 18.** Căn cứ trang 16 Atlas, các dân tộc Gia-rai, Ê-đê phân bố chủ yếu ở khu vực nào sau đây?

- A. Tây Nguyên. B. Miền núi phía Bắc. C. Đông Nam Bộ. D. Bắc Trung Bộ

**Câu 19.** Cơ sở tự nhiên chủ yếu để Trung du và miền núi Bắc Bộ phát triển nhiều ngành là

- A. chính sách phát triển miền núi của Nhà nước.  
B. giáp Trung Quốc thuận lợi trao đổi hàng hoá.  
C. tài nguyên thiên nhiên phong phú đa dạng.  
D. lao động có nhiều kinh nghiệm truyền thống.

**Câu 20.** Vựa lúa lớn thứ hai của cả nước là

- A. Đồng bằng sông Cửu Long. B. Đông Nam Bộ.  
C. Bắc Trung Bộ. D. Đồng bằng sông Hồng.

**Câu 21.** Căn cứ trang 19 Atlas, cho biết trong các tỉnh sau đây tỉnh nào có số lượng trâu lớn nhất?

- A. Bắc Kạn. B. Thái Nguyên. C. Vĩnh Phúc. D. Lạng Sơn.

**Câu 22.** Quốc lộ 1 không chạy qua vùng kinh tế nào sau đây?

- A. Đồng bằng sông Hồng. B. Tây Nguyên. C. Bắc Trung Bộ. D. Đông Nam Bộ.

**Câu 23.** Tỉnh/thành phố phát triển mạnh loại hình du lịch biển - đảo trong vùng Đồng bằng sông Hồng là

- A. Vĩnh Phúc. B. Bắc Ninh. C. Ninh Bình. D. Hải Phòng.

**Câu 24.** Căn cứ trang 26 Atlas, năm 2007 Trung du và miền núi Bắc Bộ có mấy trung tâm công nghiệp?

A. 3.

B. 4.

C. 2.

D. 5.

**Câu 25.** Các sản phẩm nào sau đây thuộc công nghiệp chế biến sản phẩm của ngành trồng trọt?

A. Nước mắm.

B. Thịt hộp.

C. Sữa, bơ.

D. Gạo, ngô.

**Câu 26.** Căn cứ trang 15 Atlas, hãy cho biết phát biểu nào sau đây không đúng với dân số Việt Nam qua các năm từ năm 1960 đến năm 2007?

A. Dân số thành thị tăng nhanh hơn dân số nông thôn.

B. Dân số cả nước tăng từ năm 1960 đến 2007.

C. Dân số nông thôn luôn lớn hơn dân số thành thị.

D. Dân nông thôn tăng nhanh hơn dân thành thị.

**Câu 27.** Căn cứ trang 21 Atlas, trung tâm công nghiệp nào sau đây có ngành khai thác than đá?

A. Vinh.

B. Cẩm Phả.

C. Hưng Yên.

D. Thanh Hóa.

**Câu 28.** Nơi nào sau đây không thuộc dải công nghiệp tập trung ở Đông nam Bộ?

A. Thủ Dầu Một.

B. Vũng Tàu.

C. Biên Hòa.

D. Long An.

**Câu 29.** Khu kinh tế cửa khẩu nào sau đây thuộc vùng Đông Nam Bộ?

A. Hà Tiên.

B. Đồng Tháp.

C. An Giang.

D. Xa Mát.

**Câu 30.** Đường dây tải điện 500kV dài nhất nước ta là

A. TP. Hồ Chí Minh - Hà Nội.

B. Hoà Bình - TP. Hồ Chí Minh.

C. Vinh - Quy Nhơn.

D. Hoà Bình - Hà Nội.

**Câu 31.** Căn cứ trang 20 Atlas, tỉnh nào sau đây có tỉ lệ diện tích rừng so với diện tích toàn tỉnh lớn nhất?

A. Tuyên Quang.

B. Lai Châu.

C. Thái Nguyên.

D. Cao Bằng.

**Dựa vào bảng thông tin sau làm bài từ câu 32 đến câu 35:**

Theo Cục Trồng trọt, 2018, diện tích cà phê của cả nước rất lớn khoảng 720 nghìn ha: trong đó, cà phê Robusta (cà phê vối) khoảng 670 nghìn ha, còn cà phê Arabica (cà phê chè) khoảng 50 nghìn ha.

Cà phê Việt Nam được xuất khẩu sang trên 80 quốc gia và vùng lãnh thổ. Năm 2018, Việt Nam xuất khẩu 1,9 triệu tấn với kim ngạch xuất khẩu đạt 3,5 tỷ USD, chiếm 14% thị phần và hơn 10% giá trị cà phê nhân xuất khẩu toàn cầu, đứng thứ 2 sau Brazil.

Các tỉnh trồng cà phê Robusta là Lâm Đồng (164 nghìn ha), Đắk Nông (158 nghìn ha), Gia Lai (91 nghìn ha), Kon Tum (17 nghìn ha), Đắk Lắk (204 nghìn ha), Bình Phước (15 nghìn ha), Đồng Nai (11 nghìn ha), Bình Thuận (3 nghìn ha), các tỉnh khác (5 nghìn ha).

Các tỉnh trồng cà phê Arabica là Lâm Đồng (19 nghìn ha), Điện Biên (5 nghìn ha), Đắk Lắk (4 nghìn ha), Sơn La (14 nghìn ha), Quảng Trị (5 nghìn ha), các tỉnh khác (4 nghìn ha).

Các tỉnh có sản lượng cà phê Robusta lớn là Đắk Lắk (490 nghìn tấn) Lâm Đồng (443 nghìn tấn), Đắk Nông (417 nghìn tấn), Gia Lai (253 nghìn tấn), Kon Tum (51 nghìn tấn), Bình Phước (23 nghìn tấn), Đồng Nai (21 nghìn tấn), Bình Thuận (7 nghìn tấn) ...

**Câu 32.** Căn cứ bảng thông tin trên, cho biết: năm 2018 vùng có diện tích trồng cà phê lớn nhất là

A. Tây Nguyên.

B. Đông Nam Bộ.

C. Trung du và miền núi Bắc Bộ.

D. Bắc Trung Bộ

**Câu 33.** Căn cứ bảng thông tin trên, cho biết: diện tích trồng cà phê Robusta chiếm khoảng trên .....% tổng diện tích cà phê cả nước.

A. 80.

B. 90.

C. 70.

D. 50.

**Câu 34.** Căn cứ bảng thông tin trên, cho biết: năm 2018 cà phê Arabica được trồng chủ yếu ở

A. Đắk Lắk và Lâm Đồng.

B. Đắk Lắk và Sơn La.

C. Lâm Đồng và Sơn La.

D. Lâm Đồng và Quảng Trị.

**Câu 35.** Căn cứ bảng thông tin trên, cho biết: năng suất cà phê Robusta cao nhất 2018 là tỉnh

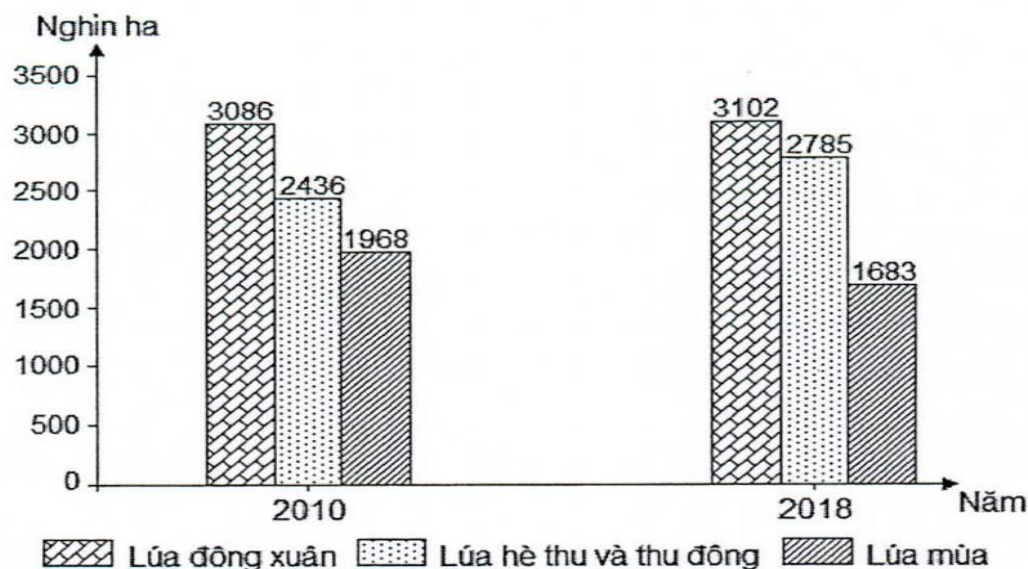
A. Đắk Lắk.

B. Đắk Nông.

C. Lâm Đồng.

D. Kon Tum

**Câu 36.** Cho biểu đồ:



### DIỆN TÍCH LÚA CÁC MÙA VỤ CỦA NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ 2018

Nhận xét nào sau đây đúng về diện tích lúa các mùa vụ của nước ta 2018 so 2010?

- A. Lúa mùa tăng, lúa đông xuân tăng.
- B. Lúa hè thu và thu đông tăng, lúa đông xuân tăng.
- C. Lúa hè thu và thu đông giảm, lúa mùa tăng.
- D. Lúa đông xuân giảm, lúa mùa tăng.

**Câu 37.** Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ không có thế mạnh

- A. trồng cao su.
- B. kinh tế biển-đảo.
- C. nuôi trâu, bò, ngựa, lợn.
- D. khai thác thủy điện.

**Câu 38.** Về ý nghĩa an ninh quốc phòng, các đảo và quần đảo nước ta là

- A. hệ thống tiền tiêu bảo vệ đất liền.
- B. thuận lợi cho phát triển giao thông biển.
- C. nơi có nhiều thuận lợi phát triển du lịch.
- D. nơi có nhiều tài nguyên hải sản.

**Câu 39.** Căn cứ trang 27 Atlas, cho biết khu kinh tế ven biển Nghi Sơn thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Thanh Hóa.
- B. Nghệ An.
- C. Quảng Bình.
- D. Hà Tĩnh.

**Câu 40.** Căn cứ Atlas trang 24, hãy cho biết năm 2007, Việt Nam xuất khẩu hàng hóa sang nước nào đạt giá trị trên 6 tỉ USD và có cán cân thương mại dương?

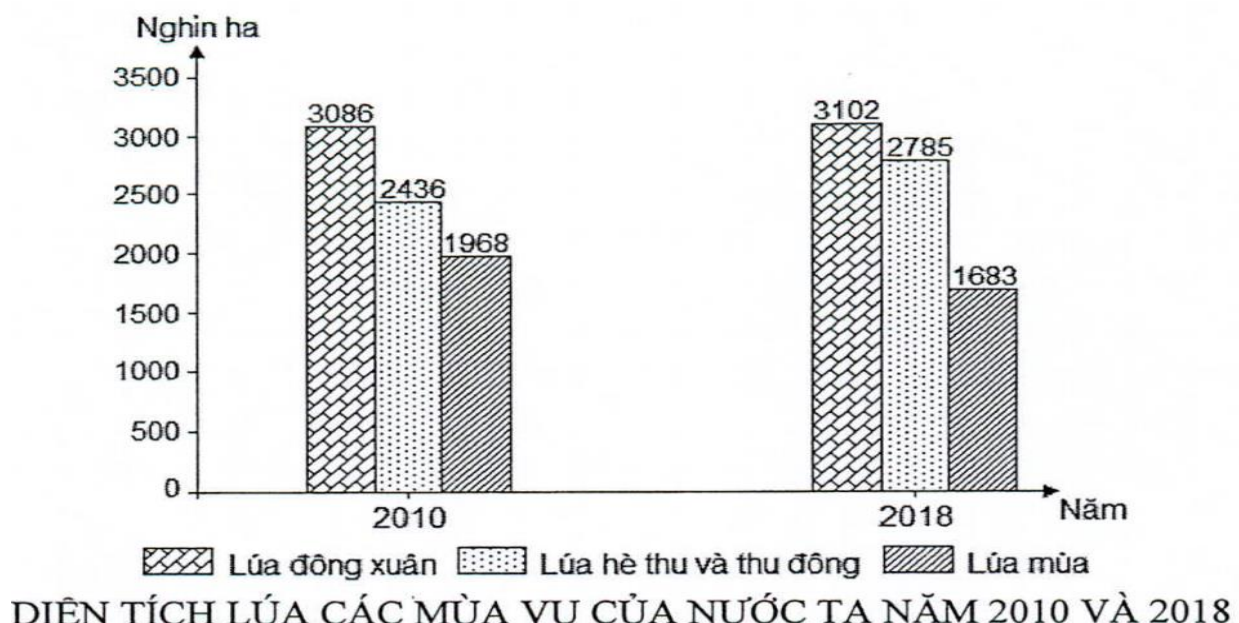
- A. Hoa Kỳ.
- B. Nhật Bản.
- C. Trung Quốc.
- D. Xin-ga-po.

**Lưu ý:** Học sinh được quyền sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.

**Câu 1.** Căn cứ trang 27 Atlas, cho biết khu kinh tế ven biển Nghi Sơn thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Hà Tĩnh. B. Nghệ An. C. Thanh Hóa. D. Quảng Bình.

**Câu 2.** Cho biểu đồ:



Nhận xét nào sau đây đúng về diện tích lúa các mùa vụ của nước ta 2018 so 2010?

- A. Lúa đông xuân giảm, lúa mùa tăng. B. Lúa hè thu và thu đông giảm, lúa mùa tăng.  
C. Lúa mùa tăng, lúa đông xuân tăng. D. Lúa hè thu và thu đông tăng, lúa đông xuân tăng.

**Câu 3.** Nơi nào sau đây không thuộc dải công nghiệp tập trung ở Đông nam Bộ?

- A. Biên Hoà. B. Vũng Tàu. C. Thủ Dầu Một. D. Long An.

**Câu 4.** Phần lớn hàng nhập khẩu của nước ta không phải là

- A. nguyên, nhiên, vật liệu. B. nguyên liệu, nhiên liệu.  
C. hàng tiêu dùng. D. tư liệu sản xuất.

**Câu 5.** Các sản phẩm nào sau đây thuộc công nghiệp chế biến sản phẩm của ngành trồng trọt?

- A. Sữa, bơ. B. Thịt hộp. C. Gạo, ngô. D. Nước mắm.

**Câu 6.** Trong giai đoạn 2000-2007 công nghiệp tăng tỉ trọng trong cơ cấu GDP là phù hợp với chính sách

- A. đầu tư và phát triển du lịch. B. khai thác cảnh đẹp thu hút du khách.  
C. nông nghiệp là mặt trận hàng đầu. D. công nghiệp hoá hiện đại hoá.

**Câu 7.** Căn cứ trang 16 Atlas, cho biết vào năm 2009 dân tộc ít người nào có số dân lớn nhất?

- A. Thái. B. Tày. C. Khơ-me. D. Mường.

**Câu 8.** Về ý nghĩa an ninh quốc phòng, các đảo và quần đảo nước ta là

- A. hệ thống tiền tiêu bảo vệ đất liền. B. thuận lợi cho phát triển giao thông biển.  
C. nơi có nhiều thuận lợi phát triển du lịch. D. nơi có nhiều tài nguyên hải sản.

**Câu 9.** Bảng: SẢN LƯỢNG THỦY SẢN NUÔI TRỒNG CỦA NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ 2018

(Đơn vị: Nghìn tấn)

| Năm  | Cá nuôi | Tôm nuôi | Thủy sản khác |
|------|---------|----------|---------------|
| 2010 | 2101,6  | 449,7    | 177,0         |
| 2018 | 2918,7  | 809,7    | 433,4         |

Để thể hiện cơ cấu sản lượng thủy sản nuôi trồng nước ta 2010 và 2018, dạng biểu đồ nào thích hợp nhất?

- A. Tròn. B. Miền. C. Đường. D. Kết hợp.

**Câu 10.** Căn cứ trang 15 Atlas, hãy cho biết phát biểu nào sau đây không đúng với dân số Việt Nam qua các năm từ năm 1960 đến năm 2007?

- A. Dân nông thôn tăng nhanh hơn dân thành thị.  
B. Dân số nông thôn luôn lớn hơn dân số thành thị.  
C. Dân số cả nước tăng từ năm 1960 đến 2007.  
D. Dân số thành thị tăng nhanh hơn dân số nông thôn.

**Câu 11.** Căn cứ trang 16 Atlas, các dân tộc Gia-rai, Ê-đê phân bố chủ yếu ở khu vực nào sau đây?

- A. Miền núi phía Bắc. B. Tây Nguyên. C. Đông Nam Bộ. D. Bắc Trung Bộ

**Câu 12.** Căn cứ trang 26 Atlas, năm 2007 Trung du và miền núi Bắc Bộ có mấy trung tâm công nghiệp?

- A. 2. B. 4. C. 3. D. 5.

**Câu 13.** Căn cứ trang 19 Atlas, cho biết trong các tỉnh sau đây tỉnh nào có số lượng trâu lớn nhất?

- A. Thái Nguyên. B. Lạng Sơn. C. Bắc Kạn. D. Vĩnh Phúc.

**Câu 14.** Đồng bằng sông Hồng có bình quân lương thực theo đầu người thấp là do

- A. năng suất lúa thấp. B. số dân rất đông.  
C. cây lương thực ít được đầu tư. D. diện tích đồng bằng nhỏ.

**Câu 15.** Căn cứ trang 20 Atlas, tỉnh nào sau đây có tỉ lệ diện tích rừng so với diện tích toàn tỉnh lớn nhất?

- A. Lai Châu. B. Tuyên Quang. C. Thái Nguyên. D. Cao Bằng.

**Câu 16.** Căn cứ trang 21 Atlas, trung tâm công nghiệp nào sau đây có ngành khai thác than đá?

- A. Hưng Yên. B. Cẩm Phả. C. Vinh. D. Thanh Hóa.

**Câu 17.** Đồng bằng sông Hồng có bao nhiêu thành phố tương đương cấp tỉnh?

- A. 10. B. 4. C. 2. D. 8.

**Câu 18.** Khu kinh tế cửa khẩu nào sau đây thuộc vùng Đông Nam Bộ?

- A. Đồng Tháp. B. Hà Tiên. C. Xa Mát. D. An Giang.

**Câu 19.** Nơi thuận lợi cho nuôi trồng thủy sản nước lợ ở miền Trung là

- A. đầm phá. B. kênh rạch. C. ao hồ. D. sông suối.

**Câu 20.** Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ không có thể mạnh

- A. kinh tế biển-đảo. B. trồng cao su.  
C. nuôi trâu, bò, ngựa, lợn. D. khai thác thủy điện.

**Câu 21.** Ngành đường ống phát triển gắn với sản xuất

- A. dầu khí. B. nước. C. điện. D. than.

**Câu 22.** Quốc lộ 1 không chạy qua vùng kinh tế nào sau đây?

- A. Đồng bằng sông Hồng. B. Đông Nam Bộ.  
C. Tây Nguyên. D. Trung du và miền núi Bắc Bộ.

**Câu 23.** Sản lượng lúa nước ta tăng trong giai đoạn 2000-2007 chủ yếu do

- A. Tăng năng suất. B. Tăng diện tích. C. Khai hoang. D. Quảng canh.

**Câu 24.** Căn cứ trang 22 Atlas, cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm nào sau đây có quy mô lớn nhất vùng Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Quy Nhơn. B. Phan Thiết. C. Quảng Ngãi. D. Nha Trang.

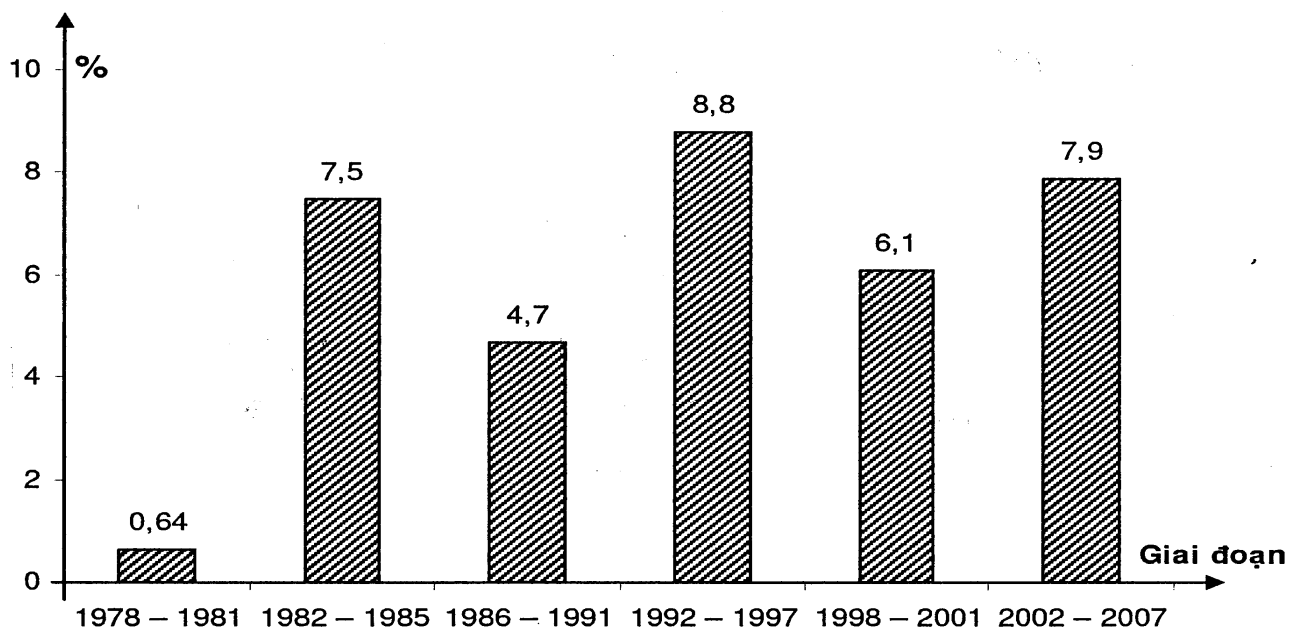
**Câu 25.** Vựa lúa lớn thứ hai của cả nước là

- A. Đông Nam Bộ. B. Bắc Trung Bộ.  
C. Đồng bằng sông Cửu Long. D. Đồng bằng sông Hồng.

**Câu 26.** Căn cứ trang 23 Atlas, đường số 2 nối Hà Nội với địa điểm nào sau đây?

A. Hạ Long. B. Hà Giang. C. Lạng Sơn. D. Cao Bằng.

**Câu 27.** Căn cứ vào biểu đồ



**Biểu đồ tốc độ tăng trưởng GDP trung bình nước ta qua các giai đoạn**

Nhận xét nào sau đây **không đúng** về tốc độ tăng trưởng GDP trung bình nước ta qua các giai đoạn:

- A. Tốc độ tăng GDP giai đoạn 2002-2007 tăng so với 1998-2001.
- B. Tốc độ tăng GDP giai đoạn 2002-2007 khá cao còn giai đoạn 1978-1981 tăng chậm.
- C. Tốc độ tăng trưởng nước ta tăng đều qua các giai đoạn.
- D. Tốc độ tăng GDP giai đoạn 2002-2007 tăng so với 1978-1981 là 7,26%

**Câu 28.** Căn cứ trang 28 Atlas, cây thuốc lá được trồng nhiều ở tỉnh nào thuộc Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Bình Thuận. B. Phú Yên. C. Khánh Hòa. D. Ninh Thuận.

**Câu 29.** Căn cứ Atlas trang 24, thành phần kinh tế nào trong cơ cấu tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng của cả nước có tỉ trọng giảm trong giai đoạn 1995-2007?

- A. Không có thành phần nào giảm tỉ trọng.
- B. Khu vực ngoài Nhà nước.
- C. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.
- D. Khu vực Nhà nước.

**Câu 30.** Căn cứ Atlas trang 24, hãy cho biết năm 2007, Việt Nam xuất khẩu hàng hóa sang nước nào đạt giá trị trên 6 tỉ USD và có cán cân thương mại dương?

- A. Trung Quốc. B. Nhật Bản. C. Hoa Kỳ. D. Xin-ga-po.

**Câu 31.** Phát biểu không đúng về chuyển dịch cơ cấu lao động đang làm việc nước ta giai đoạn 2000-2007 là

- A. Công nghiệp-xây dựng tăng tỉ trọng.
- B. Cả ba khu vực đều thay đổi tỉ trọng.
- C. Dịch vụ tăng tỉ trọng.
- D. Nông-lâm-thủy sản tăng tỉ trọng.

**Câu 32.** Biết tổng diện tích Đồng bằng sông Hồng là 15 000km<sup>2</sup>, trong đó diện tích đất nông nghiệp chiếm tỉ lệ 51,2%. Vậy diện tích đất nông nghiệp của vùng là bao nhiêu hecta?

- A. 768000. B. 51200. C. 7680. D. 76800.

**Câu 33.** Tỉnh/thành phố phát triển mạnh loại hình du lịch biển - đảo trong vùng Đồng bằng sông Hồng là

- A. Hải Phòng. B. Bắc Ninh. C. Ninh Bình. D. Vĩnh Phúc.

**Câu 34.** Căn cứ trang 17 Atlas, năm 2007 trung tâm kinh tế nào có tỉ trọng đóng góp của khu vực công nghiệp -xây dựng và dịch vụ cao nhất?

- A. Đà Nẵng. B. Cần Thơ. C. Hà Nội. D. Tp Hồ Chí Minh.

**Câu 35.** Cơ sở tự nhiên chủ yếu để Trung du và miền núi Bắc Bộ phát triển nhiều ngành là

- A. giáp Trung Quốc thuận lợi trao đổi hàng hoá. B. lao động có nhiều kinh nghiệm truyền

thống.

C. tài nguyên thiên nhiên phong phú đa dạng.  
nước.

D. chính sách phát triển miền núi của Nhà

**Câu 36.** Đường dây tải điện 500kV dài nhất nước ta là

A. Hoà Bình - TP. Hồ Chí Minh.

B. Hoà Bình - Hà Nội.

C. TP. Hồ Chí Minh - Hà Nội.

D. Vinh - Quy Nhơn.

**Dựa vào bảng thông tin sau làm bài từ câu 37 đến câu 40:**

Theo Cục Trồng trọt, 2018, diện tích cà phê của cả nước rất lớn khoảng 720 nghìn ha: trong đó, cà phê Robusta (cà phê vối) khoảng 670 nghìn ha, còn cà phê Arabica (cà phê chè) khoảng 50 nghìn ha.

Cà phê Việt Nam được xuất khẩu sang trên 80 quốc gia và vùng lãnh thổ. Năm 2018, Việt Nam xuất khẩu 1,9 triệu tấn với kim ngạch xuất khẩu đạt 3,5 tỷ USD, chiếm 14% thị phần và hơn 10% giá trị cà phê nhân xuất khẩu toàn cầu, đứng thứ 2 sau Brazil.

Các tỉnh trồng cà phê Robusta là Lâm Đồng (164 nghìn ha), Đắk Nông (158 nghìn ha), Gia Lai (91 nghìn ha), Kon Tum (17 nghìn ha), Đắk Lắk (204 nghìn ha), Bình Phước (15 nghìn ha), Đồng Nai (11 nghìn ha), Bình Thuận (3 nghìn ha), các tỉnh khác (5 nghìn ha).

Các tỉnh trồng cà phê Arabica là Lâm Đồng (19 nghìn ha), Điện Biên (5 nghìn ha), Đắk Lắk (4 nghìn ha), Sơn La (14 nghìn ha), Quảng Trị (5 nghìn ha), các tỉnh khác (4 nghìn ha).

Các tỉnh có sản lượng cà phê Robusta lớn là Đắk Lắk (490 nghìn tấn) Lâm Đồng (443 nghìn tấn), Đắk Nông (417 nghìn tấn), Gia Lai (253 nghìn tấn), Kon Tum (51 nghìn tấn), Bình Phước (23 nghìn tấn), Đồng Nai (21 nghìn tấn), Bình Thuận (7 nghìn tấn) ...

**Câu 37.** Căn cứ bảng thông tin trên, cho biết: năm 2018 vùng có diện tích trồng cà phê lớn nhất là

A. Tây Nguyên.

B. Đông Nam Bộ.

C. Trung du và miền núi Bắc Bộ.

D. Bắc Trung Bộ

**Câu 38.** Căn cứ bảng thông tin trên, cho biết: diện tích trồng cà phê Robusta chiếm khoảng trên .....% tổng diện tích cà phê cả nước.

A. 80.

B. 90.

C. 70.

D. 50.

**Câu 39.** Căn cứ bảng thông tin trên, cho biết: năm 2018 cà phê Arabica được trồng chủ yếu ở

A. Đắk Lắk và Lâm Đồng.

B. Đắk Lắk và Sơn La.

C. Lâm Đồng và Sơn La.

D. Lâm Đồng và Quảng Trị.

**Câu 40.** Căn cứ bảng thông tin trên, cho biết: năng suất cà phê Robusta cao nhất 2018 là tỉnh

A. Đắk Lắk.

B. Đắk Nông.

C. Lâm Đồng.

D. Kon Tum

**Lưu ý:** Học sinh được quyền sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.

**Câu 1.** Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ không có thể mạnh

- A. nuôi trâu, bò, ngựa, lợn. B. kinh tế biển-đảo.  
C. trồng cao su. D. khai thác thủy điện.

**Câu 2.** Tỉnh/thành phố phát triển mạnh loại hình du lịch biển - đảo trong vùng Đồng bằng sông Hồng là

- A. Ninh Bình. B. Vĩnh Phúc. C. Hải Phòng. D. Bắc Ninh .

**Câu 3.** Căn cứ Atlas trang 24, thành phần kinh tế nào trong cơ cấu tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng của cả nước có tỉ trọng giảm trong giai đoạn 1995-2007?.

- A. Khu vực ngoài Nhà nước. B. Không có thành phần nào giảm tỉ trọng.  
C. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài. D. Khu vực Nhà nước.

**Câu 4.** Ngành đường ống phát triển gắn với sản xuất

- A. than. B. nước. C. điện. D. dầu khí.

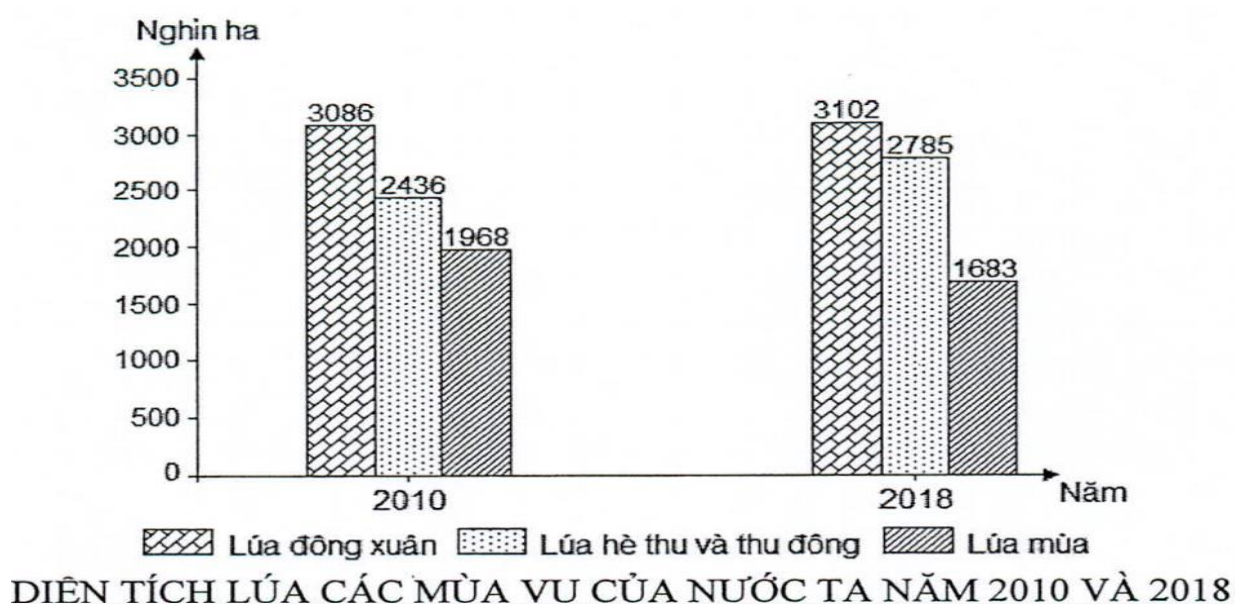
**Câu 5.** Căn cứ trang 15 Atlas, hãy cho biết phát biểu nào sau đây không đúng với dân số Việt Nam qua các năm từ năm 1960 đến năm 2007?

- A. Dân số nông thôn luôn lớn hơn dân số thành thị.  
B. Dân nông thôn tăng nhanh hơn dân thành thị.  
C. Dân số cả nước tăng từ năm 1960 đến 2007.  
D. Dân số thành thị tăng nhanh hơn dân số nông thôn.

**Câu 6.** Căn cứ trang 23 Atlas, đường số 2 nối Hà Nội với địa điểm nào sau đây?

- A. Cao Bằng. B. Hà Giang. C. Lạng Sơn. D. Hạ Long.

**Câu 7.** Cho biểu đồ :



Nhận xét nào sau đây đúng về diện tích lúa các mùa vụ của nước ta 2018 so 2010?

- A. Lúa đông xuân giảm, lúa mùa tăng. B. Lúa hè thu và thu đông giảm, lúa mùa tăng.  
C. Lúa hè thu và thu đông tăng, lúa đông xuân tăng. D. Lúa mùa tăng, lúa đông xuân tăng.

**Câu 8.** Căn cứ trang 28 Atlas, cây thuốc lá được trồng nhiều ở tỉnh nào thuộc Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Phú Yên. B. Bình Thuận. C. Khánh Hòa. D. Ninh Thuận.

**Câu 9.** Các sản phẩm nào sau đây thuộc công nghiệp chế biến sản phẩm của ngành trồng trọt?

- A. Gạo, ngô. B. Thịt hộp. C. Sữa, bơ. D. Nước mắm.

**Câu 10.** Khu kinh tế cửa khẩu nào sau đây thuộc vùng Đông Nam Bộ?

A. Đồng Tháp. B. Xa Mát. C. An Giang. D. Hà Tiên.

**Câu 11.** Căn cứ Atlas trang 24, hãy cho biết năm 2007, Việt Nam xuất khẩu hàng hóa sang nước nào đạt giá trị trên 6 tỉ USD và có cán cân thương mại dương?

A. Xin-ga-po. B. Nhật Bản. C. Hoa Kỳ. D. Trung Quốc.

**Câu 12.** Về ý nghĩa an ninh quốc phòng, các đảo và quần đảo nước ta là

A. thuận lợi cho phát triển giao thông biển. B. hệ thống tiền tiêu bảo vệ đất liền.  
C. nơi có nhiều tài nguyên hải sản. D. nơi có nhiều thuận lợi phát triển du lịch.

**Câu 13.** Căn cứ trang 17 Atlas, năm 2007 trung tâm kinh tế nào có tỉ trọng đóng góp của khu vực công nghiệp – xây dựng và dịch vụ cao nhất?

A. Đà Nẵng. B. Cần Thơ. C. TP Hồ Chí Minh. D. Hà Nội.

**Câu 14.** Đường dây tải điện 500kV dài nhất nước ta là

A. TP. Hồ Chí Minh - Hà Nội. B. Vinh - Quy Nhơn.  
C. Hoà Bình - TP. Hồ Chí Minh. D. Hoà Bình - Hà Nội.

**Câu 15.** Căn cứ trang 21 Atlas, trung tâm công nghiệp nào sau đây có ngành khai thác than đá?

A. Thanh Hóa. B. Hưng Yên. C. Vinh. D. Cẩm Phả.

**Câu 16.** Quốc lộ 1 không chạy qua vùng kinh tế nào sau đây?

A. Đồng bằng sông Hồng. B. Đông Nam Bộ.  
C. Trung du và miền núi Bắc Bộ. D. Tây Nguyên.

**Câu 17.** Căn cứ trang 16 Atlas, các dân tộc Gia-rai, Ê-đê phân bố chủ yếu ở khu vực nào sau đây?

A. Miền núi phía Bắc. B. Bắc Trung Bộ. C. Tây Nguyên. D. Đông Nam Bộ.

**Câu 18.** Đồng bằng sông Hồng có bình quân lương thực theo đầu người thấp là do

A. năng suất lúa thấp. B. số dân rất đông.  
C. diện tích đồng bằng nhỏ. D. cây lương thực ít được đầu tư.

**Câu 19.** Phần lớn hàng nhập khẩu của nước ta không phải là

A. nguyên, nhiên, vật liệu. B. hàng tiêu dùng.  
C. tư liệu sản xuất. D. nguyên liệu, nhiên liệu.

**Câu 20.** Bảng: SẢN LƯỢNG THỦY SẢN NUÔI TRỒNG CỦA NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ 2018

(Đơn vị: Nghìn tấn)

| Năm  | Cá nuôi | Tôm nuôi | Thủy sản khác |
|------|---------|----------|---------------|
| 2010 | 2101,6  | 449,7    | 177,0         |
| 2018 | 2918,7  | 809,7    | 433,4         |

Để thể hiện cơ cấu sản lượng thủy sản nuôi trồng nước ta 2010 và 2018, dạng biểu đồ nào thích hợp nhất?

A. Đường. B. Tròn. C. Miền. D. Kết hợp.

**Câu 21.** Căn cứ trang 27 Atlas, cho biết khu kinh tế ven biển Nghi Sơn thuộc tỉnh nào sau đây?

A. Thanh Hóa. B. Nghệ An. C. Hà Tĩnh. D. Quảng Bình.

**Câu 22.** Cơ sở tự nhiên chủ yếu để Trung du và miền núi Bắc Bộ phát triển nhiều ngành là

A. tài nguyên thiên nhiên phong phú đa dạng.  
B. lao động có nhiều kinh nghiệm truyền thống.  
C. chính sách phát triển miền núi của Nhà nước.  
D. giáp Trung Quốc thuận lợi trao đổi hàng hoá.

**Câu 23.** Vựa lúa lớn thứ hai của cả nước là

A. Bắc Trung Bộ. B. Đồng bằng sông Hồng.  
C. Đồng bằng sông Cửu Long. D. Đông Nam Bộ.

**Câu 24.** Đồng bằng sông Hồng có bao nhiêu thành phố tương đương cấp tỉnh?

- A. 2. B. 8. C. 10. D. 4.

**Câu 25.** Nơi nào sau đây không thuộc dải công nghiệp tập trung ở Đông nam Bộ?

- A. Long An. B. Vũng Tàu. C. Biên Hoà. D. Thủ Dầu Một.

**Câu 26.** Trong giai đoạn 2000-2007 công nghiệp tăng tỉ trọng trong cơ cấu GDP là phù hợp với chính sách

- A. công nghiệp hoá hiện đại hoá. B. nông nghiệp là mặt trận hàng đầu.  
C. đầu tư và phát triển du lịch. D. khai thác cảnh đẹp thu hút du khách.

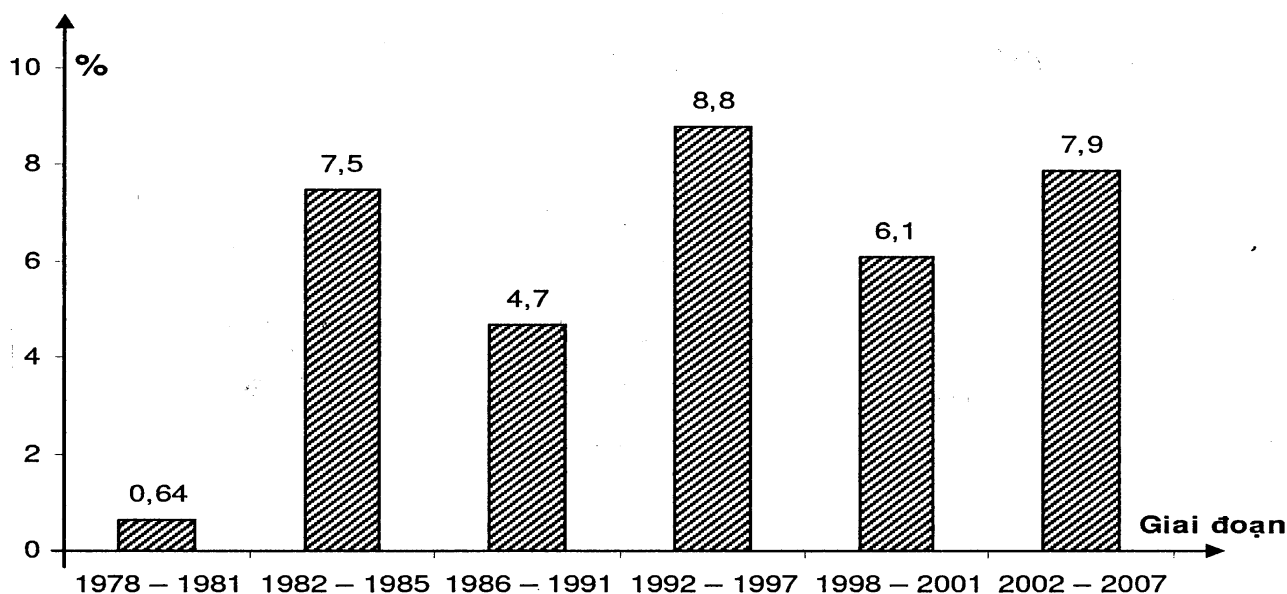
**Câu 27.** Biết tổng diện tích Đồng bằng sông Hồng là 15 000km<sup>2</sup>, trong đó diện tích đất nông nghiệp chiếm tỉ lệ 51,2%. Vậy diện tích đất nông nghiệp của vùng là bao nhiêu hecta?

- A. 76800. B. 51200. C. 7680. D. 768000.

**Câu 28.** Căn cứ trang 19 Atlas, cho biết trong các tỉnh sau đây tỉnh nào có số lượng trâu lớn nhất?

- A. Bắc Kạn. B. Thái Nguyên. C. Lạng Sơn. D. Vĩnh Phúc.

**Câu 29.** Căn cứ vào biểu đồ



**Biểu đồ tốc độ tăng trưởng GDP trung bình nước ta qua các giai đoạn**

Nhận xét nào sau đây **không đúng** về tốc độ tăng trưởng GDP trung bình nước ta qua các giai đoạn:

- A. Tốc độ tăng GDP giai đoạn 2002-2007 tăng so với 1978-1981 là 7,26%  
B. Tốc độ tăng GDP giai đoạn 2002-2007 khá cao còn giai đoạn 1978-1981 tăng chậm.  
C. Tốc độ tăng GDP giai đoạn 2002-2007 tăng so với 1998-2001.  
D. Tốc độ tăng trưởng nước ta tăng đều qua các giai đoạn.

**Dựa vào bảng thông tin sau làm bài từ câu 30 đến câu 33:**

Theo Cục Trồng trọt, 2018, diện tích cà phê của cả nước rất lớn khoảng 720 nghìn ha: trong đó, cà phê Robusta (cà phê vối) khoảng 670 nghìn ha, còn cà phê Arabica (cà phê chè) khoảng 50 nghìn ha.

Cà phê Việt Nam được xuất khẩu sang trên 80 quốc gia và vùng lãnh thổ. Năm 2018, Việt Nam xuất khẩu 1,9 triệu tấn với kim ngạch xuất khẩu đạt 3,5 tỷ USD, chiếm 14% thị phần và hơn 10% giá trị cà phê nhân xuất khẩu toàn cầu, đứng thứ 2 sau Brazil.

Các tỉnh trồng cà phê Robusta là Lâm Đồng (164 nghìn ha), Đắk Nông (158 nghìn ha), Gia Lai (91 nghìn ha), Kon Tum (17 nghìn ha), Đắk Lắk (204 nghìn ha), Bình Phước (15 nghìn ha), Đồng Nai (11 nghìn ha), Bình Thuận (3 nghìn ha), các tỉnh khác (5 nghìn ha).

Các tỉnh trồng cà phê Arabica là Lâm Đồng (19 nghìn ha), Điện Biên (5 nghìn ha), Đắk Lắk (4 nghìn ha), Sơn La (14 nghìn ha), Quảng Trị (5 nghìn ha), các tỉnh khác (4 nghìn ha).

Các tỉnh có sản lượng cà phê Robusta lớn là Đắk Lắk (490 nghìn tấn) Lâm Đồng (443 nghìn tấn), Đắk Nông (417 nghìn tấn), Gia Lai (253 nghìn tấn), Kon Tum (51 nghìn tấn), Bình Phước (23 nghìn tấn), Đồng Nai (21 nghìn tấn), Bình Thuận (7 nghìn tấn) ...

- Câu 30.** Căn cứ bảng thông tin trên, cho biết: năm 2018 vùng có diện tích trồng cà phê lớn nhất là  
A. Tây Nguyên.      B. Đông Nam Bộ.      C. Trung du và miền núi Bắc Bộ.      D. Bắc Trung Bộ
- Câu 31.** Căn cứ bảng thông tin trên, cho biết: diện tích trồng cà phê Robusta chiếm khoảng trên .....% tổng diện tích cà phê cả nước.  
A. 80.      B. 90.      C. 70.      D. 50.
- Câu 32.** Căn cứ bảng thông tin trên, cho biết: năm 2018 cà phê Arabica được trồng chủ yếu ở  
A. Đắk Lắk và Lâm Đồng.      B. Đắk Lắk và Sơn La.  
C. Lâm Đồng và Sơn La.      D. Lâm Đồng và Quảng Trị.
- Câu 33.** Căn cứ bảng thông tin trên, cho biết: năng suất cà phê Robusta cao nhất 2018 là tỉnh  
A. Đắk Lắk.      B. Đắk Nông.      C. Lâm Đồng.      D. Kon Tum
- Câu 34.** Sản lượng lúa nước ta tăng trong giai đoạn 2000-2007 chủ yếu do  
A. Tăng diện tích.      B. Quảng canh.      C. Khai hoang.      D. Tăng năng suất.
- Câu 35.** Căn cứ trang 26 Atlas, năm 2007 Trung du và miền núi Bắc Bộ có mấy trung tâm công nghiệp?  
A. 4.      B. 5.      C. 2.      D. 3.
- Câu 36.** Phát biểu không đúng về chuyển dịch cơ cấu lao động đang làm việc nước ta giai đoạn 2000-2007 là  
A. Dịch vụ tăng tỉ trọng.      B. Nông-lâm-thủy sản tăng tỉ trọng.  
C. Công nghiệp-xây dựng tăng tỉ trọng.      D. Cả ba khu vực đều thay đổi tỉ trọng.
- Câu 37.** Căn cứ trang 20 Atlas, tỉnh nào sau đây có tỉ lệ diện tích rừng so với diện tích toàn tỉnh lớn nhất?  
A. Tuyên Quang.      B. Lai Châu.      C. Cao Bằng.      D. Thái Nguyên.
- Câu 38.** Căn cứ trang 16 Atlas, cho biết vào năm 2009 dân tộc ít người nào có số dân lớn nhất?  
A. Tày.      B. Mường.      C. Thái.      D. Khơ-me.
- Câu 39.** Căn cứ trang 22 Atlas, cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm nào sau đây có quy mô lớn nhất vùng Duyên hải Nam Trung Bộ?  
A. Quảng Ngãi.      B. Quy Nhơn.      C. Nha Trang.      D. Phan Thiết.
- Câu 40.** Nơi thuận lợi cho nuôi trồng thủy sản nước lợ ở miền Trung là  
A. sông suối.      B. kênh rạch.      C. ao hồ.      D. đầm phá.

**Lưu ý:** Học sinh được quyền sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.

**ĐÁP ÁN – KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 2 (2020-2021) – Môn Địa lý 12**

| <b>Đề 121</b> | <b>Đề 122</b> | <b>Đề 123</b> | <b>Đề 124</b> |
|---------------|---------------|---------------|---------------|
| 1. D          | 1. D          | 1. C          | 1. C          |
| 2. B          | 2. B          | 2. D          | 2. C          |
| 3. C          | 3. A          | 3. D          | 3. D          |
| 4. D          | 4. B          | 4. C          | 4. D          |
| 5. B          | 5. C          | 5. C          | 5. B          |
| 6. B          | 6. B          | 6. D          | 6. B          |
| 7. B          | 7. A          | 7. B          | 7. C          |
| 8. D          | 8. A          | 8. A          | 8. D          |
| 9. A          | 9. D          | 9. A          | 9. A          |
| 10. A         | 10. C         | 10. A         | 10. B         |
| 11. D         | 11. C         | 11. B         | 11. C         |
| 12. B         | 12. C         | 12. B         | 12. B         |
| 13. C         | 13. C         | 13. B         | 13. C         |
| 14. B         | 14. B         | 14. B         | 14. C         |
| 15. A         | 15. C         | 15. B         | 15. D         |
| 16. B         | 16. C         | 16. B         | 16. D         |
| 17. C         | 17. C         | 17. C         | 17. C         |
| 18. C         | 18. A         | 18. C         | 18. B         |
| 19. A         | 19. C         | 19. A         | 19. B         |
| 20. D         | 20. D         | 20. B         | 20. B         |
| 21. D         | 21. D         | 21. A         | 21. A         |
| 22. A         | 22. B         | 22. C         | 22. A         |
| 23. B         | 23. D         | 23. A         | 23. B         |
| 24. B         | 24. B         | 24. D         | 24. A         |
| 25. C         | 25. D         | 25. D         | 25. A         |
| 26. C         | 26. D         | 26. B         | 26. A         |
| 27. C         | 27. B         | 27. C         | 27. D         |
| 28. A         | 28. D         | 28. D         | 28. C         |
| 29. C         | 29. D         | 29. D         | 29. D         |
| 30. A         | 30. B         | 30. C         | 30. A         |
| 31. D         | 31. A         | 31. D         | 31. B         |
| 32. D         | 32. A         | 32. A         | 32. C         |
| 33. D         | 33. B         | 33. A         | 33. D         |
| 34. C         | 34. C         | 34. D         | 34. D         |
| 35. A         | 35. D         | 35. C         | 35. A         |
| 36. A         | 36. B         | 36. A         | 36. B         |
| 37. B         | 37. A         | 37. A         | 37. A         |
| 38. C         | 38. A         | 38. B         | 38. A         |
| 39. D         | 39. A         | 39. C         | 39. C         |
| 40. A         | 40. A         | 40. D         | 40. D         |